

GIA NHẬP WTO

NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI
VỚI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

TH.S. NGUYỄN THỊ KIM THANH

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới kinh tế và chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam (VN) đã tiến hành chuyển đổi và hội nhập nền kinh tế đất nước với nền kinh tế thế giới và khu vực. Quá trình này đã được khởi xướng từ Đại hội Đảng lần VI và trong văn kiện Đại hội IX đã nêu rõ “Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng cường sức ép cạnh tranh và tính tự thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế”. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã khẳng định cần phải “chủ động hội nhập kinh tế vào khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường”¹. Chuyển đổi và hội nhập kinh tế thực chất là sự chủ động điều chỉnh các chính sách kinh tế theo hướng tự do hóa và mở cửa. Đặc trưng chính của quá trình điều chỉnh các cơ chế chính sách ở VN có liên quan đến việc thực hiện các vấn đề sau²:

- Từng bước nới lỏng kiểm soát các hoạt động ngoại thương: Các hoạt động xuất, nhập khẩu; lập và sửa đổi hệ thống đánh thuế nhập và xuất khẩu;
- Tham gia các hiệp định thương mại trong vùng và đa phương, hình thành các hiệp định thương mại song phương;
- Xóa bỏ dân kiểm soát ngoại hối



Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực NH sẽ tạo ra động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới và nâng cao tính minh bạch, tính tự chịu trách nhiệm của hệ thống NH

và áp dụng một tỷ giá hối đoái linh hoạt định hướng thị trường nhiều hơn

- Điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) thông qua các công cụ tiền tệ gián tiếp, cùng với việc cơ cấu lại hệ thống tài chính với quy mô lớn; và

- Xây dựng khung pháp luật và điều tiết để tạo điều kiện khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Với các đặc trưng cơ bản trên cho thấy, quá trình chuyển đổi và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình đòi hỏi cải cách về cơ cấu sâu sắc để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và hội nhập vào khu vực và toàn cầu mạnh mẽ hơn. Thực tế, điều đó đã

mang lại cho VN nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế, nhưng cũng đặt ra không ít những thách thức trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế để đảm bảo phát triển bền vững và hội nhập thành công.

Quá trình chuyển đổi trong lĩnh vực Ngân hàng (NH) được thực hiện mạnh mẽ từ đầu những năm 90, việc hình thành NH hai cấp là nền tảng cơ bản cho ngành NH thực hiện những bước tiếp theo của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện các cam kết với tổ chức tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB trong đợt mới điều hành CSTT, chính sách ngoại hối và

cải cách hệ thống NH. Tiếp đến là thực hiện các cam kết trong hiệp định thương mại VN-Hoa Kỳ từ tháng 12/2001, theo đó các cam kết mở cửa lĩnh vực NH cho các NH của các nước trên thế giới vào cạnh tranh để chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO-hình thức cao của hội nhập kinh tế quốc tế. Trong lĩnh vực tài chính NH, nó đồng nghĩa với tự do hóa và mở cửa thị trường tài chính. Do vậy, gia nhập WTO sẽ buộc các NH phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường và minh bạch hơn. Mở cửa thị trường tài chính trong nước dẫn đến quá trình cơ cấu lại hệ thống NH, phân chia lại thị trường giữa các nhóm NH theo hướng cân bằng hơn - thi phần NH Thương mại Nhà nước (NHTMNN) có thể bị giảm, thi phần của NH Thương mại cổ phần (NHTMCP) và chi nhánh NH nước ngoài (NHNN) tăng lên - xuất hiện các NH hoạt động theo hướng chuyên môn hóa - bán lẻ, đầu tư hoặc bán buôn - tùy theo thế mạnh cạnh tranh của mỗi NH. Nâng cao tính cạnh tranh và kỷ luật thị trường trong hoạt động NH sẽ khuyến khích tạo ra những NH có quy mô lớn, tài chính lành mạnh và kinh doanh hiệu quả; các NH kinh doanh yếu kém sẽ bị đào thải hoặc phải vươn lên, nếu muốn tồn tại. Vì vậy, uy tín và vị thế của hệ thống NH VN sẽ được nâng lên, ít nhất là trên thị trường khu vực. Điều này thực sự tạo cho hệ thống NH VN nhiều cơ hội để từng bước vững mạnh, nhưng cũng nhiều thách thức phải đổi mới.

* Về cơ hội

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra kết luận từ kinh nghiệm quốc tế là, hệ thống tài chính NH cạnh tranh và mở cửa là hệ thống tài chính tốt nhất cho phát triển và tăng trưởng kinh tế. Giá trị hội nhập vào nền kinh tế thế giới của VN là, có thể nâng cao khả năng phân bổ các nguồn lực và tiếp cận các dịch vụ với các chi phí thấp hơn và /hoặc chất lượng tốt hơn: Những lợi thế so sánh và cạnh tranh của VN sẽ bảo đảm các lợi ích khi VN hội nhập. Khả năng của nền kinh tế và các doanh nghiệp khi cạnh tranh trong thị trường quốc tế sẽ được nâng cao nếu VN có hệ thống tài chính NH cung cấp các dịch vụ có giá cạnh tranh ở trong nước và trợ

giúp các khoản đầu tư, thương mại quốc tế của các doanh nghiệp. Do vậy, các nguồn lực sẽ được phân bổ đến tận nơi có hiệu quả nhất

- Hội nhập trong lĩnh vực NH ngoài việc cho phép các NH nước ngoài cạnh tranh trong một sân chơi công bằng, còn tạo điều kiện thuận lợi cho các NH trong nước thâm nhập vào thị trường quốc tế, mở ra cơ hội cho ngành NH thực hiện các trao đổi, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạch định CSTT, quản lý ngoại hối, thanh tra, giám sát phòng ngừa rủi ro và trong lĩnh vực thanh toán, từ đó nâng cao uy tín và vị thế của hệ thống NH VN trong các giao dịch tài chính quốc tế.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy sự tham gia thị trường của các NH nước ngoài làm gia tăng cả mức độ cạnh tranh và sự lành mạnh, an toàn của hệ thống NH trong nước: Các NH VN có điều kiện tranh thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của NH các nước trên thế giới và đào tạo đội ngũ cán bộ. Bên cạnh đó, buộc các NHTM VN phải thực hiện cơ cấu lại tổ chức, tăng năng lực tài chính, thực hiện chuyên môn hóa sâu hơn các nghiệp vụ NH, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và phát triển dịch vụ NH mới. Đó là những điều kiện quan trọng để hệ thống NH có thể đứng vững trong cạnh tranh và đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

- Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực NH sẽ tạo ra động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới và nâng cao tính minh bạch, tính tự chịu trách nhiệm của hệ thống NH, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành trong lĩnh vực tiền tệ- NH.

* Về thách thức

Hệ thống NH VN được đánh giá là tương đối non trẻ và đang trong quá trình cung cố và hoàn thiện. Xuất phát điểm của quá trình đổi mới, hệ thống NH VN đang ở mức độ thấp về công nghệ, trình độ tổ chức và chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, thị trường tài chính còn phát triển ở mức độ thấp. Mặc dù, trong 20 năm qua, hệ thống NH VN đã có những bước phát triển nhất định, song còn có khoảng cách lớn với NH các nước trong khu vực và quốc tế. Do vậy, thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, NH sẽ phải đổi mới

với nhiều thách thức, cụ thể là:

- Với ưu thế sẵn có về vốn và công nghệ NH cũng như kinh nghiệm quản lý của các NH nước ngoài thì cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn khi các NH nước ngoài ngày càng mở rộng qui mô và phạm vi hoạt động trên thị trường VN. Trong khi đó, VN chưa có chính sách thống nhất để quản lý có hiệu quả hoạt động cạnh tranh trong lĩnh vực NH. Các sản phẩm dịch vụ mới còn hạn chế, công nghệ chưa được coi là công cụ hàng đầu để nâng sức cạnh tranh đối với bản thân các NH thương mại trong nước. Do đó, các NH VN sẽ gặp khó khăn rất lớn để thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ là giữ vững thị trường hoạt động trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài.

- Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ làm tăng các giao dịch vốn và rủi ro hệ thống NH, trong khi cơ chế quản lý chưa hoàn thiện, nhất là về thanh tra, giám sát và tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống NH chưa được xử lý triệt để sẽ là nguy cơ cho sự an toàn bền vững của hệ thống NH.

- Hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải có nguồn nhân lực được trang bị đầy đủ các kiến thức về kỹ năng nghiên cứu phân tích, đánh giá và dự báo theo mô hình, về các chuẩn mực và thực tiễn quốc tế... Trong khi đó, nguồn nhân lực của hệ thống NH VN còn nhiều bất cập về các kiến thức trên, đặc biệt năng lực phân tích và dự báo. Đó là một thách thức rất lớn để thực hiện hội nhập thành công.

- Một thách thức rất lớn nữa là khả năng kiểm soát tiền tệ của NHNN VN. Mặc dù hiện nay chúng ta đã tự do hóa lãi suất, song vẫn để đặt ra, khi mở cửa thị trường tài chính, tự do hóa các giao dịch vốn thì vấn đề kiểm soát tiền tệ sẽ như thế nào? Theo đánh giá của tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa⁴, hiện nay VN còn thiếu các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, môi trường vĩ mô, cơ cấu định chế luật pháp và thị trường để chống đỡ với các cú sốc bên trong (như sự thay đổi không mong muốn về cầu tiền, đầu tư và tiết kiệm trong dân chúng, sự đổ vỡ hệ thống NH), cũng như những cú sốc bên ngoài (khủng hoảng kinh tế, chiến tranh..) khi mở cửa thị trường tài chính. Để tránh được những cú

► sốc này, theo ông Nghĩa thì vai trò thanh tra giám sát vi mô, vĩ mô và giám sát từ xa của NHNN đòi hỏi phải có năng lực lớn và dựa trên tiêu chuẩn thanh tra giám sát quốc tế. Trong khi đó, vấn đề tự do hóa các giao dịch vốn- một xu thế tất yếu khi mở cửa thị trường tài chính thực chất là xóa bỏ các hạn chế trong việc chuyển dịch vốn (ra- vào VN) của các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các khoản đầu tư gián tiếp. Chính việc xóa bỏ các rào cản như vậy, theo kinh nghiệm của các nước có thể xảy ra những bất ổn như sau:

(i) Các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn(hoặc đầu tư) đột ngột với qui mô lớn. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này chủ yếu do tâm lý phản ứng dây chuyền của các nhà đầu tư phát sinh từ những lo lắng về thực trạng kinh tế có thể bị suy giảm của nước họ đang đầu tư, cũng như lo lắng về sự yếu kém,rủi ro trong ngành NH và vĩ mô: Như lo lắng về một chế độ tỷ giá cố định hoặc linh hoạt có quản lý nhưng không ổn định, qua đó mà đồng tiền có thể được định giá quá cao so với giá trị thực được xác định trên nền tảng kinh tế vĩ mô, và nguy cơ đầu cơ có thể xảy ra. Những lo lắng này kiến các nhà đầu tư có thể rút vốn; lo lắng về khả năng duy trì các chính sách tiền tệ và tài khóa. Tâm lý của các nhà đầu tư có thể bị ảnh hưởng tiêu cực trước một CSTT không thích hợp và chính sách tài khóa không bền vững sẽ dẫn đến thảm hụt lớn, và khi đó lạm phát có thể gia tăng gây nguy cơ bất ổn định nền kinh tế và cho giá trị của đồng tiền; lo lắng về tình trạng của hệ thống tài chính và khu vực doanh nghiệp: Sự suy giảm chất lượng tài sản trong hệ thống NH, giảm doanh thu của các doanh nghiệp, không bảo hiểm tiền tệ, thiếu dự trữ cho thanh toán nợ NH, hệ thống giám sát NH cũng như doanh nghiệp yếu... đều có thể dẫn tới biến động đột ngột trong tâm lý các nhà đầu tư, dẫn tới rút vốn đột ngột. Trong một hệ thống tài chính, nếu tỷ trọng cho vay ngắn hạn lớn và chất lượng tài sản kém, các biện pháp phòng ngừa rủi ro thấp... thì sẽ dễ dàng rơi vào tình trạng bất ổn trước nguy cơ rút vốn đột ngột.

(ii) Cho vay bất cẩn và đầu tư

không sinh lời có nguy cơ gia tăng hơn khi tự do hóa các giao dịch vốn : Vốn trong nước hay vốn nước ngoài bị đầu tư kém hiệu quả dẫn đến việc phân bổ nguồn lực không hiệu quả, có thể kèm theo tình trạng bất ổn giá tài sản và đầu tư quá nóng vào một số lĩnh vực của nền kinh tế làm giảm giá trị tài sản của hệ thống tài chính, qua đó mà tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ giảm thấp. Nguyên nhân của việc đầu tư bất cẩn không xuất phát từ chính nguồn vốn mà xuất phát từ nội tại nền kinh tế, như môi trường đầu tư thiếu minh bạch, dẫn tới thiếu thông tin cần thiết trên thị trường tài chính để có thể đánh giá được mức độ rủi ro của người vay ; các qui luật thị trường không được vận hành một cách hữu hiệu, sự can thiệp và bảo hộ của Nhà nước quá mức đối với hệ thống tài chính cũng như doanh nghiệp, hậu quả là các hoạt động điều tiết nguồn vốn không tuân thủ các nguyên tắc thị trường dẫn tới quản lý chất lượng tài sản kém đi liền với tiêu cực và rủi ro lớn ; năng lực nhận diện và đánh giá rủi ro của hệ thống tài chính yếu kém, vấn đề này càng trầm trọng hơn khi tự do hóa nhanh chóng khu vực tài chính và tự do hóa luồng vốn không đi kèm với các biện pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro của hệ thống tài chính, cũng như các cơ quan giám sát hoạt động của hệ thống này.

(iii) Khả năng mất cân đối vĩ mô có thể xảy ra khi tự do hóa các giao dịch vốn : Dòng vốn lớn đổ vào trong nước cũng có thể gây mất cân đối tâm vĩ mô, đặc biệt khi chính sách vĩ mô không nhất quán và hướng tới những mục tiêu mâu thuẫn nhau. Rủi ro vĩ mô thường hay xảy ra nếu không có một cơ chế tỷ giá hợp lý phù hợp(được lựa chọn trên cơ sở mức độ phát triển của nền kinh tế, mức độ phát triển của hệ thống tài chính, khả năng cung cấp ngoại tệ và các công cụ phòng ngừa rủi ro trên thị trường ngoại hối), thiếu một chính sách tiền tệ tin cậy (như mục tiêu rõ ràng, được hỗ trợ đầy đủ bởi các chính sách vĩ mô khác, việc thực thi, NHTW có tính độc lập và tự chịu trách nhiệm cao, sử dụng cơ chế thị trường để điều tiết).

Về mặt nào đó, hiệu quả của CSTT sẽ được tăng cường nếu tỷ giá

hối đoái được định hướng theo nguyên tắc thị trường, do đó các giao dịch của tài khoản vốn không ảnh hưởng trực tiếp tới các điều kiện tiền tệ. Trong trường hợp tự do hóa các giao dịch vốn, nếu vẫn duy trì một chế độ tỷ giá cố định hoặc thiểu linh hoạt, NHTW sẽ không thể sử dụng CSTT để duy trì sự ổn định giá trong nước, vì khi đó cung tiền phải mở rộng để ổn định tỷ giá khiến lạm phát trong nước có thể gia tăng. Từ đó cần đổi vĩ mô có thể bị phá vỡ.

Nhìn chung việc lựa chọn một cơ chế tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến môi trường di chuyển vốn của một quốc gia. Một cơ chế tỷ giá không được các chính sách kinh tế và khu vực tài chính cùng hỗ trợ sẽ dẫn đến các rủi ro liên quan đến dòng vốn đổ vào trong nước, cụ thể làm tăng giá trị đồng tiền trong nước, gây khó khăn cho di chuyển CSTT, gây ảnh hưởng đối với sự ổn định kinh tế và tính cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Một cơ chế tỷ giá được các nhà đầu tư quốc tế coi là không ổn định và thiếu độ tin cậy sẽ làm tăng thêm rủi ro đầu cơ tiền tệ và dòng vốn đổ ra nước ngoài lớn sẽ ra bất ổn thị trường tài chính. Do vậy, một nền kinh tế muốn có lợi ích từ việc tiếp cận nguồn vốn nước ngoài qua tự do hóa các giao dịch vốn và giảm thiểu rủi ro liên quan, thì điều quan trọng nền kinh tế đó phải lựa chọn một cơ chế tỷ giá tin cậy và phù hợp với các chính sách tiền tệ, tài chính và kinh tế nói chung.

Tóm lại, VN gia nhập WTO mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia, cũng như hệ thống NH nói riêng, nhưng cũng không ít những thách thức mà chúng ta phải đối mặt, lường trước để có những biện pháp thích hợp nhằm hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của hội nhập đến sự phát triển của nền kinh tế và hệ thống NH ■

¹ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, NXB. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2001, trang 157,120.

² Báo cáo về chiến lược hội nhập kinh tế của Việt Nam, dự án VIE/99/002, năm 2000.

³ Xem quyết định số 663/QĐ-NHNN, ngày 26/6/2003 về kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng.

⁴ Workshop the 2006 – 2010 Socio – Economic Development plan for the banking sector (2005).